

CÔNG TY TNHH

BN + CR

**PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH
ĐIỀU CHỈNH TĂNG TỔNG VỐN ĐẦU TƯ**

**DỰ ÁN:
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY**

**ĐỊA ĐIỂM: KCN NHƠN HỘI – KHU B, KHU KINH TẾ NHƠN HỘI,
TP. QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bình Định, tháng 5 năm 2011

CÔNG TY TNHH

**PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH
ĐIỀU CHỈNH TĂNG TỔNG VỐN ĐẦU TƯ**

DỰ ÁN:

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY

Chủ đầu tư:
CÔNG TY TNHH
~~TỔNG~~ GIÁM ĐỐC

Bình Định, tháng 5 năm 2011

PHẦN I

KHÁI QUÁT VỀ CHỦ ĐẦU TƯ VÀ DỰ ÁN

1. KHÁI QUÁT ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CHỦ ĐẦU TƯ

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH [redacted]
- Giấy chứng nhận đầu tư số 352 043 000 [redacted], do Ban Quản lý Khu kinh tế Bình Định cấp ngày 22/12/2009; chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 07 tháng 3 năm 2011.
- Đại diện Chủ đầu tư: ông [redacted]
- Chức vụ: Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám đốc
- Ngành nghề kinh doanh: Chế biến tinh bột biến tính, chế biến tiêu thụ cồn, chế tạo và tiêu thụ máy móc chế biến sắn...
- Trụ sở: Lô [redacted], Khu công nghiệp Nhơn Hội – Khu B, Khu kinh tế Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Vốn điều lệ: 263.088.000.000 VND (tương đương 14.616.000 USD).
- Địa điểm đầu tư xây dựng: Lô [redacted], Khu công nghiệp Nhơn Hội – Khu B, Khu kinh tế Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

2. TÓM TẮT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

2.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy gia công chất bột biến tính sắn
[redacted]

2.2 Địa điểm thực hiện Dự án:

- Địa điểm đầu tư xây dựng nhà máy: Lô [redacted], Khu công nghiệp Nhơn Hội – Khu B, Khu kinh tế Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

2.3 Quy mô công suất:

Công ty TNHH [redacted] đầu tư xây dựng mới Nhà máy gia công chất bột biến tính sắn với quy mô công suất đạt khoảng 100.000 tấn sản phẩm/năm, cụ thể như sau:

- 1) 40.000 tấn/năm Tinh bột ion dương thay thế cao;
- 2) 15.000 tấn /năm tinh bột biến tính cao cấp chuyên dụng dùng cho sản xuất giấy in báo;

Phương án tài chính điều chỉnh tăng tổng vốn đầu tư

3) 35.000 tấn /năm tinh bột biến tính lưỡng tính;

4) 10.000 tấn /năm tinh bột phức hợp dạng hồ;

2.4 Thời hạn xây dựng và bố trí tiến độ

2.4.1 Thời hạn xây dựng

Dự án được khảo sát, nghiên cứu đầu tư từ đầu năm 2009. Thời gian chuẩn bị thủ tục và triển khai xây dựng khoảng 3 năm (từ tháng 12 năm 2009 đến tháng 9 năm 2012).

2.4.2 Tiến độ thực hiện:

1) Từ tháng 12 năm 2009 đến tháng 02 năm 2010: Lập quy hoạch và thiết kế sơ bộ;

2) Từ tháng 03 năm 2010 đến tháng 5 năm 2010: Thiết kế đồ án thi công

3) Từ tháng 6 năm 2010 đến tháng 12 năm 2010: Thi công mặt bằng

4) Từ tháng 12 năm 2010 đến tháng 5 năm 2011: Đặt mua và chế tạo thiết bị

5) Từ tháng 6 năm 2011 đến tháng 5 năm 2012: Lắp đặt thiết bị và đường ống

6) Từ tháng 6 năm 2012 đến tháng 9 năm 2012: Điều chỉnh, sản xuất thử

PHẦN II

PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH (ĐIỀU CHỈNH)

1. Tổng vốn đầu tư và phương án sử dụng vốn

1.1. Tổng vốn đầu tư:

- Mức đăng ký hiện tại: 876.960.000.000 đồng (Tám trăm bảy mươi sáu tỷ chín trăm sáu chục triệu đồng), tương đương 48.720.000 USD (Bốn mươi tám triệu, bảy trăm hai chục ngàn đô la Mỹ).

- Mức đăng ký điều chỉnh tăng: 1.394.000.000.000 đồng (một ngàn ba trăm chín mươi tư tỷ đồng), tương đương 68.000.000 USD (sáu mươi tám triệu đô la Mỹ);

- Lý do điều chỉnh tăng tổng vốn đầu tư:

+ Chủ đầu tư có kế hoạch trang bị máy móc thiết bị cho Nhà máy hiện đại nhất hiện nay.

+ Giá mua máy móc, thiết bị công nghệ hiện đại cao hơn so với thời điểm lập dự án (năm 2009).

+ Chi phí đầu tư xây dựng Nhà máy tăng đáng kể so với thời điểm năm 2009.

1.2. Phương án sử dụng vốn

Tổng vốn đầu tư sẽ được phân bổ thực hiện các hạng mục cụ thể như sau:

- Vốn đầu tư cố định là: 62.221.700 USD, Cấu thành đầu tư như sau:

+ Chi phí xây dựng công trình, máy móc thiết bị 45.826.280 USD, chiếm 73,65% tổng số vốn đầu tư cố định .

+ Các phí khác xây dựng công trình là 4.255.964 USD, chiếm 6,84% tổng số vốn đầu tư cố định.

+ Phí dự trữ 6.520.834 USD, chiếm 10,48% tổng số vốn đầu tư cố định .

+ Lãi vốn vay thời kỳ xây dựng 5.618.622 USD, chiếm 9,03% tổng số vốn đầu tư cố định .

1.3 Vốn lưu động

Vốn lưu động sử dụng phương pháp tính toán chi tiết để tính toán, theo tính toán là 19.287.100 USD

2. Huy động vốn

2.1 Nguồn vốn đầu tư

- Tổng vốn đầu tư cố định là 62.221.700 USD, trong đó 30% tức 18.666.510 USD là vốn tự có của chủ đầu tư, 43.555.190 USD vay của ngân hàng, lãi hàng năm là 7,83% .

- Vốn lưu động 19.287.100 USD, trong đó 30% tức 5.786.130 USD là vốn tự có của doanh nghiệp, còn lại 13.500.970 USD vay của ngân hàng, tiền lãi hàng năm là 7,47%.

2.2 Vốn đầu tư tự có

Đối với nguồn vốn do chủ sở hữu đầu tư trực tiếp, Công ty TNHH [redacted] sử dụng nguồn vốn nhân rồi tự có của mình (Công ty mẹ) cấp cho Công ty TNHH [redacted] thực hiện dự án.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH cổ phần

[redacted] lập vào 1958, vốn đăng ký của công ty là 50 triệu đồng nhân dân tệ, địa chỉ đăng ký là thành phố Nam Ninh Quảng Tây. Hiện có Tổng tài sản là 563 triệu đồng nhân dân tệ, tổng số tài sản cố định là 380 triệu đồng nhân dân tệ. Công ty này là doanh nghiệp cổ phần, năm 2007, số dư cổ bản của công ty là 16832.24 nghìn đồng nhân dân tệ, đơn vị cầm cổ phần là công ty TNHH tập đoàn [redacted], Tổng Công ty doanh nghiệp [redacted], Công ty công mậu của doanh nghiệp [redacted]; giá [redacted] (cổ phiếu cá nhân). Trong đó, tỷ lệ cổ phần do công ty TNHH [redacted] cầm chiếm khoảng là 93.46%, tỷ lệ cổ phần do tổng công ty doanh nghiệp nông [redacted] cầm chiếm khoảng là 0.59%, tỷ lệ cổ phần do công ty công mậu doanh nghiệp [redacted] cầm chiếm khoảng là 0.24%, tỷ lệ cổ phần do [redacted] cầm chiếm khoảng là 0.18%, tỷ lệ cổ phần do Công đoàn nông trường Minh Dương cầm khoảng là 5.53%.

Về năng lực sản xuất và tài chính: Trong quá trình phát triển, Công ty TNHH CP [redacted] đã hình thành các hệ thống như nghiên cứu, sản xuất, tiêu thụ, phục vụ sau khi bán v.v. Hiện nay, Công ty đã có năng lực sản xuất các loại tinh bột 300 nghìn tấn /năm, còn 150 nghìn tấn/năm, đến nay, có thể sản xuất hơn 50 loại sản phẩm như tinh bột biến tính sẵn và còn, tiêu

Phương án tài chính điều chỉnh tăng tổng vốn đầu tư

thụ khắp 27 tỉnh, thành và khu trong toàn quốc, còn có bộ phận sản phẩm xuất khẩu đến các nước và khu vực ở Đông Nam Á. Gần 3 năm nay, các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của công ty như sau: tỷ lệ nợ tài sản ở năm 2005 là 57.85%, năm 2006 là 57.14%, năm 2007 là 58.60%; tỷ lệ tăng lên của việc tiêu thụ ở năm 2005 là 5.48%, năm 2006 là 80.43%, năm 2007 là 58.60%; tỷ lệ tăng lên lợi nhuận ở năm 2005 là 60.94%, năm 2006 là 575.26%, năm 2007 là 212.88%; tỷ lệ tăng lên của tổng tài sản ở năm 2005 là 9.55%, năm 2006 năm 5.53%, năm 2007 là 17.67%; tỷ lệ thành tân của tài sản cố định ở năm 2005 là 59.56%, năm 2006 là 69.62%, năm 2007 là 70.62%. Số mức tiêu thụ, lợi nhuận và tổng tài sản tăng lên từng năm, tình trạng tài chính khá tốt.

2.3 Vốn vay của các ngân hàng

Công ty TNHH CP _____ là doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, tài chính lành mạnh. Công ty có quan hệ chiến lược với một số ngân hàng tại _____ Công ty sẽ bảo lãnh để Công ty TNHH _____ vay vốn tại các tổ chức tín dụng _____ để tổ chức thực hiện Dự án đầu tư tại Nhơn Hội, Việt Nam.

Hiện tại, Công ty đã có cam kết của Ngân hàng Xuất nhập khẩu _____

– Chi nhánh _____ về việc cho Công ty TNHH _____ vay vốn để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy gia công chất bột biến tính sản tại Khu kinh tế Nhơn Hội. Trình tự, thủ tục vay vốn đã thực hiện xong và đã có văn bản cho phép của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

PHẦN III

KẾT LUẬN

Từ những cơ sở trình bày trên, Công ty TNHH [redacted] t
Nam chúng tôi nhận thấy kế hoạch tài chính hoàn toàn khả thi và đáp ứng được
nhu cầu vốn thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nhà máy gia công chất bột biến tính
sắn [redacted] tại Khu công nghiệp Nhơn Hội – Khu B, Khu kinh tế
Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Kính mong Quý cấp thẩm quyền quan tâm, tạo điều kiện giúp đỡ.

Chủ đầu tư:
CÔNG TY TNHH
TỔNG GIÁM ĐỐC